

# CƠ HỘI VÀ THÁCH THỨC TRONG HỢP TÁC QUỐC TẾ TẠI CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC ĐẠI HỌC Ở VIỆT NAM TRONG BỐI CẢNH CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP 4.0 (NGHIÊN CỨU TRƯỜNG HỢP TẠI TRƯỜNG QUỐC TẾ - ĐẠI HỌC QUỐC GIA VIỆT NAM, HÀ NỘI)

Nguyễn Thị Thu Hà  
Trường Quốc tế (IS), Đại học Quốc gia Việt Nam  
Email: nguyen.thuha@vnu.edu.vn

**Tóm tắt:** Hợp tác quốc tế trong giáo dục đại học đã trở thành một yêu cầu tất yếu, khách quan và là động lực chính cho sự phát triển của các cơ sở giáo dục đại học trên toàn cầu. Trong bối cảnh cách mạng công nghiệp 4.0 tại Việt Nam, hoạt động này không chỉ là xu hướng mà còn là một phần không thể thiếu trong chiến lược phát triển giáo dục và nguồn nhân lực chất lượng cao của đất nước. Bên cạnh những cơ hội mà hợp tác quốc tế mang lại cho các trường đại học, vẫn còn những rủi ro và thách thức. Quản lý hiệu quả các hoạt động hợp tác quốc tế là yếu tố quyết định để tối đa hóa lợi ích và giảm thiểu rủi ro tiềm tàng. Đặc biệt, các trường đại học tại Việt Nam hiện nay cần chú trọng đến các vấn đề quản trị như: Định hướng trong bối cảnh pháp luật và chính sách chưa rõ ràng, khắc phục rào cản tài chính và nguồn lực hạn chế, quản lý các mối quan hệ đối tác phức tạp đòi hỏi sự minh bạch và giao tiếp hiệu quả, v.v. Giảm thiểu rủi ro an ninh và tính liên minh học thuật, khắc phục rào cản văn hóa, ngôn ngữ và tận dụng hiệu quả chuyển đổi số trong khi giải quyết khoảng cách số là những ưu tiên hàng đầu. Trường Quốc tế - Đại học Quốc gia Hà Nội là một trong những đơn vị tiên phong trong việc thực hiện đào tạo chất lượng cao, đáp ứng nhu cầu xã hội và hợp tác quốc tế. Trường Đại học đã triển khai nhiều mô hình liên kết hợp tác quốc tế từ các chương trình cử nhân đến tiến sĩ, xây dựng các ngành đào tạo đa dạng bao gồm kỹ thuật, công nghệ, kinh tế và quản lý.

**Từ khóa:** Cơ hội và thách thức, hợp tác quốc tế, các cơ sở giáo dục đại học, trường quốc tế.

## OPPORTUNITIES AND CHALLENGES IN INTERNATIONAL COOPERATION AT HIGHER EDUCATION INSTITUTIONS IN VIETNAM IN THE CONTEXT OF THE FOURTH INDUSTRIAL REVOLUTION (A CASE STUDY OF THE INTERNATIONAL SCHOOL – VIETNAM NATIONAL UNIVERSITY, HANOI)

**Abstract:** International cooperation in higher education has become an inevitable, objective requirement and a key driving force for the development of higher education institutions globally. In the context of the industrial revolution 4.0 in Vietnam, this activity is not only a trend but also an indispensable part of the country's strategy to develop high-quality education and human resources. In addition to the opportunities that international cooperation brings to universities, there are still risks and challenges. The effective management of international cooperation activities is a decisive factor to maximize benefits and minimize potential risks. In particular, universities in Vietnam today need to pay attention to governance issues such as: Navigating unclear legal and policy frameworks, overcoming financial barriers and limited resources, managing complex partnerships that require transparency and effective communication, etc. Mitigating security risks and academic integrity, overcoming cultural and language barriers, and effectively leveraging digital transformation while addressing the digital divide are priorities. International School - Vietnam National University of Hanoi is one of the pioneers in implementing high-quality training, meeting social needs and international cooperation. The University has implemented many models of international cooperation links from bachelor's to doctoral programs, training disciplines are built in multiple disciplines and fields including engineering, technology and economics, and management.

**Keywords:** Opportunities and challenges, international cooperation, higher education institutions, International School.

Nhận bài: 07/02/2026

Phản biện: 06/03/2026

Duyệt đăng: 10/03/2026

### I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Hợp tác quốc tế đóng vai trò rất quan trọng trong sự phát triển của các trường đại học tại Việt Nam và gắn liền với chiến lược phát triển giáo dục và nguồn nhân lực chất lượng cao. Hoạt động này được xem là xu hướng phát triển tất yếu và đã nhận được sự quan tâm và đầu tư đáng kể từ Nhà nước, Bộ Giáo dục và Đào tạo, và các trường đại học. Thông qua hợp tác quốc tế, các trường đại học Việt Nam có thể định hướng phát triển theo hướng hiện đại, tiếp

cận nhiều nền giáo dục tiên tiến trong khu vực và trên thế giới. Điều này cho phép các trường đại học rút ra kinh nghiệm quý báu về tư duy đổi mới, phương pháp quản lý giáo dục, hoàn thiện hệ thống và quy trình đào tạo, cũng như kết hợp nghiên cứu khoa học với giảng dạy. Hợp tác quốc tế tạo điều kiện cho các trường đại học phát triển bền vững, cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao và phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa và hiện đại hóa đất nước.

Bài viết này tập trung nghiên cứu các cơ hội và thách thức trong việc tổ chức hợp tác quốc tế tại các cơ sở giáo dục đại học Việt Nam nói chung và Trường Quốc tế - Đại học Quốc gia Hà Nội nói riêng, nhằm đề xuất các biện pháp nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế trong hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học của trường.

## II. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

### 2.1. Các hình thức hợp tác quốc tế tại các cơ sở giáo dục đại học trong bối cảnh cách mạng công nghiệp 4.0

Theo Knight (2004), quốc tế hóa được định nghĩa là “quá trình tích hợp chiều cạnh quốc tế, liên văn hóa hoặc toàn cầu vào mục đích, chức năng hoặc việc cung cấp giáo dục sau trung học”. Hợp tác quốc tế trong giáo dục đại học không còn là một tập hợp các hoạt động riêng lẻ bổ sung cho nhau, mà thực sự đã được tích hợp vào đời sống của một trường đại học hiện đại. Nó được định nghĩa là một khuôn khổ chiến lược, phối hợp, tích hợp gồm các chính sách, chương trình, sáng kiến và cá nhân để các trường đại học trở nên hướng tới toàn cầu hơn và kết nối quốc tế hơn. Đây là phản ứng có chủ đích của giáo dục đại học đối với thực tế toàn cầu hóa - sự vận động và phụ thuộc lẫn nhau của ý tưởng, con người, hàng hóa, vốn, dịch vụ, cũng như những thách thức xuyên biên giới như môi trường và sức khỏe. Các mục tiêu cốt lõi của hợp tác quốc tế là nâng cao chất lượng đào tạo, mở rộng cơ hội giao lưu văn hóa, trao đổi kiến thức và kinh nghiệm, thúc đẩy nghiên cứu khoa học, nâng cao năng lực ngoại ngữ, kết nối và mở rộng mạng lưới hợp tác, từ đó đáp ứng các yêu cầu hội nhập quốc tế và phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Các hình thức hợp tác quốc tế trong giáo dục đại học rất đa dạng, phản ánh tính linh hoạt và khả năng thích ứng của các tổ chức trong việc theo đuổi mục tiêu quốc tế hóa (Pokrovskaya & Raitina, 2022). Theo các nghiên cứu, các hình thức hợp tác quốc tế phổ biến trong giáo dục đại học bao gồm:

- Trao đổi học thuật: Đây là hình thức truyền thống và phổ biến nhất, bao gồm việc trao đổi sinh viên, giảng viên và các thành viên khoa. Sự di chuyển này làm phong phú thêm trải nghiệm giáo dục bằng cách thúc đẩy sự hiểu biết giữa các nền văn hóa và xây dựng mạng lưới toàn cầu (Pokrovskaya & Raitina, 2022).

- Hợp tác đào tạo xuyên biên giới: Bao gồm các chương trình đào tạo chung, cấp bằng chung hoặc chương trình chuyển tiếp. Tại Việt Nam, hai mô

hình hợp tác đào tạo quốc tế phổ biến là chuyển tiếp từ cao đẳng lên đại học (sinh viên học 2 năm BTEC và 1 năm đại học để lấy bằng cử nhân) và học chương trình gốc của trường đại học đối tác (chương trình được “nhập khẩu” 100% từ trường đối tác). Hình thức này nhằm mục đích nâng cao chất lượng đào tạo, mở rộng cơ hội học tập và cung cấp bằng cấp quốc tế. Nghị quyết số 29-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương (2013) về cải cách cơ bản giáo dục cũng khuyến khích mở rộng đào tạo quốc tế tại nơi làm việc.

- Hợp tác nghiên cứu khoa học: Các dự án nghiên cứu chung, trao đổi kiến thức và kết quả nghiên cứu thông qua các tạp chí học thuật, hội nghị và nền tảng kỹ thuật số. Hình thức này nhằm mục đích nâng cao hiệu quả nghiên cứu khoa học, thúc đẩy đổi mới và giải quyết các thách thức toàn cầu. (ACE, 2021; Do & Pham, 2014)

- Quốc tế hóa chương trình giảng dạy: Quá trình tích hợp các yếu tố quốc tế, liên văn hóa hoặc toàn cầu vào nội dung, phương pháp giảng dạy và kết quả học tập. Mục tiêu là đảm bảo tất cả học sinh đều có trải nghiệm quốc tế, không chỉ những người tham gia chương trình trao đổi. (ACE, 2021)

- Nâng cao năng lực: Các dự án hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực, cải cách chương trình giảng dạy và thiết lập mạng lưới quốc tế đặc biệt quan trọng đối với các trường đại học ở các nước đang phát triển. Mục tiêu là nâng cao năng lực quản lý và chuyên môn của đội ngũ, hướng đến phát triển bền vững.

### 2.2. Cơ hội và thách thức trong việc tổ chức hợp tác quốc tế tại các cơ sở giáo dục đại học Việt Nam trong bối cảnh cách mạng công nghiệp 4.0

#### 2.2.1. Cơ hội

Hợp tác quốc tế mang lại nhiều cơ hội chiến lược cho các cơ sở giáo dục đại học, không chỉ nâng cao chất lượng giáo dục mà còn mở rộng tầm ảnh hưởng và đóng góp vào sự phát triển xã hội.

#### Nâng cao chất lượng đào tạo và nghiên cứu khoa học.

Hợp tác quốc tế được xem là chìa khóa giúp các trường đại học Việt Nam nâng cao chất lượng đào tạo một cách nhanh chóng, đáp ứng yêu cầu hội nhập toàn cầu. Thông qua các mối quan hệ này, các trường đại học có cơ hội tiếp cận nền giáo dục tiên tiến, từ đó phát triển tư duy và phương pháp quản lý giáo dục đổi mới, cải thiện hệ thống và quy trình đào tạo. Hơn nữa, hợp tác quốc tế

thúc đẩy nghiên cứu và giảng dạy liên ngành, tăng cường năng lực nghiên cứu thông qua việc tập hợp nguồn lực tài chính và nhân lực, chia sẻ chuyên môn và tiếp cận các nguồn tài trợ lớn hơn thông qua các dự án hợp tác. Điều này khuyến khích sự đổi mới và sáng tạo, dẫn đến các kết quả nghiên cứu toàn diện và đột phá hơn, góp phần phát triển tri thức toàn cầu. Chất lượng là yếu tố cốt lõi của giáo dục đại học, và hợp tác quốc tế trực tiếp tạo cơ hội tiếp cận kiến thức, công nghệ và phương pháp tiên tiến, từ đó nâng cao chất lượng đào tạo và nghiên cứu, giúp các trường đại học Việt Nam bắt kịp xu hướng toàn cầu.

### **Mở rộng cơ hội học tập và nghề nghiệp cho người học**

Đối với sinh viên, hợp tác quốc tế mở ra cánh cửa hội nhập toàn cầu, cung cấp khả năng tiếp cận nhanh chóng với nguồn kiến thức quốc tế khổng lồ. Sinh viên có thể tham gia các khóa học và chuyên ngành đặc thù không có sẵn tại các trường đại học trong nước. Quan trọng hơn, nó nâng cao khả năng tìm việc làm trong thị trường lao động toàn cầu hóa thông qua việc cải thiện kỹ năng ngoại ngữ, thúc đẩy sự hiểu biết liên văn hóa và phát triển các kỹ năng mềm thiết yếu như tư duy sáng tạo, làm việc nhóm và kỹ năng giao tiếp đa văn hóa. Nhiều công việc trong tương lai đòi hỏi trình độ tiếng Anh cao để đáp ứng yêu cầu của thị trường toàn cầu hóa. Sinh viên cũng có được kinh nghiệm thực tiễn và cơ hội thực tập hoặc việc làm thông qua các đối tác trong ngành, giúp họ chuẩn bị cho sự nghiệp tương lai. Lợi ích trực tiếp cho người học là động lực mạnh mẽ cho hợp tác quốc tế, vì trang bị cho sinh viên kiến thức, kỹ năng và kinh nghiệm thực tiễn toàn cầu là yếu tố then chốt để nâng cao khả năng cạnh tranh của nguồn nhân lực Việt Nam.

### **Phát triển năng lực của giảng viên và cán bộ quản lý.**

Hợp tác quốc tế mang lại nhiều cơ hội tuyệt vời cho việc trao đổi giảng viên và nhân viên. Điều này giúp nâng cao năng lực chuyên môn của đội ngũ giảng viên thông qua việc tiếp cận các phương pháp giảng dạy và nghiên cứu mới, đồng thời khuyến khích sự phát triển nghề nghiệp. Hoạt động này cũng tạo điều kiện cho các trường đại học tiếp thu năng lực quản lý và trao đổi kiến thức chuyên môn trong giảng dạy, từ đó cải thiện năng lực quản lý và chuyên môn của các đội ngũ. Giảng viên và cán bộ quản lý là xương sống của một cơ sở giáo dục, và đầu tư vào việc phát triển

năng lực của họ thông qua hợp tác quốc tế sẽ tạo ra hiệu ứng lan tỏa, nâng cao chất lượng tổng thể của trường đại học.

### **Nâng cao vị thế và khả năng cạnh tranh của các cơ sở giáo dục đại học trên bản đồ giáo dục toàn cầu.**

Hợp tác quốc tế đóng vai trò rất quan trọng trong sự phát triển của các trường đại học. Nó giúp các tổ chức này cải thiện cơ sở vật chất và nâng cao chất lượng đào tạo để thu hút đối tác cũng như khẳng định vị thế trên thị trường quốc tế. Các công trình nghiên cứu hợp tác và sự tham gia vào các mạng lưới học thuật toàn cầu góp phần nâng cao uy tín học thuật của các trường tham gia. Hoạt động này cũng có thể dẫn đến việc cải thiện thứ hạng trên các bảng xếp hạng đại học quốc tế, nâng cao uy tín và sức hấp dẫn của trường đại học. Trong bối cảnh cạnh tranh toàn cầu ngày càng gay gắt, việc nâng cao vị thế và năng lực cạnh tranh quốc tế là mục tiêu chiến lược của các trường đại học Việt Nam nhằm thu hút nhân tài và nguồn lực, khẳng định vai trò của mình trên bản đồ giáo dục thế giới.

### **Thúc đẩy giao lưu văn hóa và quan hệ ngoại giao.**

Bên cạnh những lợi ích về học thuật và kinh tế, hợp tác quốc tế còn mở rộng cơ hội giao lưu văn hóa. Nó củng cố mạng lưới học thuật toàn cầu, làm cho giáo dục trở nên toàn diện và đa dạng hơn. Quan trọng hơn, hoạt động này góp phần đáng kể vào việc tăng cường quan hệ ngoại giao giữa các quốc gia, thúc đẩy sự hiểu biết lẫn nhau và đóng góp vào hòa bình và phát triển bền vững trên thế giới.

#### *2.2.2. Thách thức*

Mặc dù hợp tác quốc tế mang lại nhiều lợi ích cho giáo dục đại học, việc quản lý hoạt động này đang đối mặt với hàng loạt thách thức phức tạp. Trước hết là những hạn chế trong khuôn khổ pháp lý và chính sách. Ở nhiều nước đang phát triển, trong đó có Việt Nam, chính sách về quốc tế hóa còn thiếu rõ ràng, chưa xác định cụ thể vai trò của từng bộ phận, dẫn đến sự thiếu đồng bộ giữa mục tiêu chiến lược và triển khai thực tế. Tình trạng này tạo ra căng thẳng giữa yêu cầu tăng cường quyền tự chủ đại học với nhu cầu có một chiến lược quốc gia nhất quán, khiến các cơ sở giáo dục gặp khó khăn trong việc xây dựng kế hoạch dài hạn.

Bên cạnh đó, rào cản về tài chính và nguồn lực là trở ngại lớn. Nguồn lực đầu tư cho giáo dục đại học ở các nước đang phát triển thường còn hạn chế, ảnh hưởng đến cơ sở hạ tầng, thu nhập nhân

sự và chất lượng học liệu. Việc phụ thuộc nhiều vào ngân sách nhà nước không còn bền vững, buộc các trường phải tìm kiếm các mô hình tài trợ mới, đa dạng hóa nguồn thu và tăng cường hợp tác công tư. Điều này làm cho quốc tế hóa không chỉ là hoạt động học thuật mà còn mang màu sắc kinh tế rõ nét hơn.

Một thách thức khác là sự phức tạp trong quản lý và phối hợp đối tác. Thiếu giao tiếp rõ ràng, kỳ vọng không phù hợp, thẩm định sơ sài, tranh chấp tài chính và sự thiếu bền vững trong hợp tác có thể khiến nhiều quan hệ đối tác thất bại. Đồng thời, chất lượng đào tạo và việc công nhận văn bằng cũng là vấn đề đáng lo ngại, nhất là với các chương trình xuyên biên giới, trực tuyến hoặc kết hợp, khi yêu cầu về đảm bảo chất lượng ngày càng cao.

### **2.3. Nghiên cứu trường hợp tại Trường Quốc tế - Đại học Quốc gia Việt Nam, Hà Nội trong bối cảnh cách mạng công nghiệp 4.0**

Trường Quốc tế – Đại học Quốc gia Hà Nội đang định hướng trở thành một cơ sở giáo dục đại học có mức tự chủ cao, trách nhiệm lớn và đóng góp tích cực vào sự phát triển chung của Đại học Quốc gia Hà Nội, đồng thời hướng tới môi trường đào tạo đạt chuẩn kiểm định trong nước và quốc tế, góp phần cung cấp nguồn nhân lực có năng lực hội nhập toàn cầu. Nhà trường đặt mục tiêu tiên phong trong đào tạo chất lượng cao, đẩy mạnh nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo, hợp tác và chuyển giao tri thức trong khu vực và trên thế giới, qua đó từng bước xây dựng Trường Quốc tế trở thành một trong những “trung tâm quốc tế” của Đại học Quốc gia Hà Nội. Hiện nay, trường có gần 250 cán bộ, giảng viên, trong đó tỷ lệ tiến sĩ trở lên đạt gần 70%, tăng mạnh so với năm 2020. Hằng năm, trường đón gần 120 chuyên gia, học giả và giảng viên thỉnh giảng quốc tế đến giảng dạy, nghiên cứu; đồng thời đã bổ nhiệm thêm giáo sư, phó giáo sư và mời nhiều chuyên gia đầu ngành ở nước ngoài tham gia tư vấn, hỗ trợ phát triển chương trình đào tạo và cộng đồng nghiên cứu.

Về quy mô đào tạo, Trường Quốc tế hiện được phép triển khai 17 chương trình đại học, 9 chương trình thạc sĩ và 2 chương trình tiến sĩ, với tổng quy mô gần 7.500 sinh viên, trong đó có sinh viên quốc tế đến từ 23 quốc gia và vùng lãnh thổ. Nhà trường là đơn vị tiên phong trong Đại học Quốc gia Hà Nội khi được giao thí điểm các chương trình cử nhân – thạc sĩ tích hợp từ năm học 2022–

2023. Trường đã phát triển nhiều mô hình đào tạo đa dạng như liên kết quốc tế, song bằng, bằng kép, A+B, chuyển giao mô hình đào tạo, đồng thời mở rộng hợp tác với Lào, châu Âu, Hoa Kỳ, Malaysia, Úc và nhiều đối tác khác. Các chương trình đào tạo của trường được giảng dạy chủ yếu bằng tiếng Anh, có tính liên ngành, đa lĩnh vực, gắn với nhu cầu xã hội và xu hướng của Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

Trong hợp tác quốc tế, Trường Quốc tế duy trì quan hệ với nhiều đại học và doanh nghiệp lớn trong và ngoài nước, tạo điều kiện thực tập, trải nghiệm thực tế và cơ hội việc làm cho sinh viên. Trường cũng thành công trong việc thu hút học giả quốc tế, với hơn 50 học giả hợp tác giảng dạy, trao đổi học thuật và công bố gần 300 bài báo quốc tế chất lượng cao. Bên cạnh những thuận lợi như phát triển đội ngũ, mở rộng chương trình đào tạo, đẩy mạnh hợp tác và nghiên cứu khoa học, nhà trường vẫn đối mặt với một số khó khăn như cạnh tranh gay gắt trong liên kết đào tạo quốc tế, số lượng sinh viên quốc tế còn khiêm tốn, quy mô một số chương trình liên kết chưa lớn và hợp tác quốc tế trong nghiên cứu khoa học chưa thật sự tương xứng với tiềm năng.

### **2.4. Các phương pháp nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế tại các cơ sở giáo dục đại học ở Việt Nam**

Để tối đa hóa lợi ích và giảm thiểu những thách thức trong quản trị hợp tác quốc tế, các cơ sở giáo dục đại học cần triển khai đồng bộ nhiều giải pháp quản lý mang tính chiến lược. Trước hết, việc cải thiện các chính sách và quy định nội bộ là nền tảng quan trọng nhằm bảo đảm tính minh bạch, trách nhiệm giải trình và sự thống nhất trong toàn bộ hoạt động quốc tế hóa. Các trường đại học cần tiếp tục hoàn thiện hệ thống văn bản nội bộ, thiết lập các kênh liên lạc rõ ràng, xác định cụ thể vai trò, kỳ vọng và trách nhiệm của các bên tham gia, đồng thời xây dựng tầm nhìn, kế hoạch phát triển nhân lực và ngân sách bền vững cho các chương trình hợp tác quốc tế.

Nâng cao năng lực đàm phán và quản lý đối tác là điều kiện cần để xây dựng các quan hệ hợp tác lâu dài và hiệu quả. Các trường cần thẩm định kỹ lưỡng đối tác trước khi ký kết, bảo đảm minh bạch về tài chính và thúc đẩy sự tin cậy, tôn trọng, cởi mở trong giao tiếp. Việc tăng cường năng lực liên văn hóa cho cán bộ, giảng viên và người học cũng góp phần giảm thiểu hiểu lầm, củng cố sự đồng thuận và tầm nhìn chung giữa các bên.

Một hướng đi quan trọng khác là tận dụng công nghệ số trong hợp tác quốc tế. Số hóa không chỉ hỗ trợ quản lý hiệu quả hơn mà còn mở rộng khả năng hợp tác linh hoạt, giảm rào cản địa lý và tạo cơ hội cho nhiều người học tham gia thông qua các hình thức như trao đổi ảo, di động ảo hay hợp tác trực tuyến theo thời gian thực. Tuy nhiên, việc ứng dụng công nghệ cần được thực hiện có chiến lược, gắn với đầu tư hạ tầng và năng lực số.

### III. KẾT LUẬN

Hợp tác quốc tế là trụ cột không thể thiếu cho sự phát triển của giáo dục đại học trong kỷ nguyên toàn cầu hóa. Đối với các cơ sở giáo dục đại học tại Việt Nam, đây là động lực mạnh mẽ để nâng cao chất lượng, tăng cường năng lực cạnh tranh toàn cầu và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa và hiện đại hóa đất nước. Cơ hội từ hợp tác quốc tế rất rõ ràng: nâng cao chất lượng đào tạo và nghiên cứu thông qua việc tiếp cận kiến thức và phương pháp tiên tiến; mở rộng cơ hội học tập và nghề

cho sinh viên, trang bị cho họ những kỹ năng toàn cầu cần thiết; phát triển năng lực chuyên môn và quản lý cho giảng viên và cán bộ; tăng cường vị thế và năng lực cạnh tranh quốc tế của các trường đại học; và thúc đẩy giao lưu văn hóa và tăng cường quan hệ ngoại giao giữa các nước. Tuy nhiên, quản trị hợp tác quốc tế đối mặt với nhiều thách thức phức tạp và đa chiều. Mỗi trường đại học cần xây dựng chính sách phù hợp với chính sách của quốc gia; tạo điều kiện tự chủ và cung cấp hướng dẫn rõ ràng và nhất quán; nhấn mạnh sự cần thiết phải đa dạng hóa nguồn tài chính; vận hành quản lý rủi ro hiệu quả, đặc biệt là liên quan đến tính liên chính học thuật và ảnh hưởng địa chính trị, đòi hỏi sự thẩm định kỹ lưỡng và tuân thủ chủ động các quy định trong nước và quốc tế. Cuối cùng, mỗi cơ sở giáo dục đại học cần nắm bắt vai trò của công nghệ trong việc mở rộng khả năng tiếp cận và đổi mới, đồng thời giải quyết khoảng cách số để đảm bảo công bằng và hiệu quả.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Chính phủ Úc, Bộ Giáo dục. (2021). *Hướng dẫn nhằm chống lại sự can thiệp của nước ngoài vào lĩnh vực đại học Úc*. ACE. (2021). *Quốc tế hóa toàn diện: Từ khái niệm đến hành động*. Hội đồng Giáo dục Hoa Kỳ.
- De Wit, H., & Altbach, P.G. (2021). *Địa chính trị của giáo dục đại học quốc tế*. *Giáo dục Đại học Quốc tế*, (105), 4–6. <https://doi.org/10.6017/ihe.2021.105.11297>
- Do, NT, & Pham, T. (2014). *Các phương pháp tiếp cận di động giáo dục đại học*. Trong *Quốc tế hóa giáo dục đại học tại Việt Nam* (trang xx–xx).
- Marginson, S. (2020). *Khoa học toàn cầu và chủ quyền quốc gia: Những vấn đề địa chính trị của hợp tác nghiên cứu quốc tế*. *Toàn cầu hóa, Xã hội và Giáo dục*, 18 (2), 201–216. <https://doi.org/10.1080/14767724.2020.1735714>
- Knight, J., & de Wit, H. (2023). *Quốc tế hóa giáo dục đại học trong kỷ nguyên kỹ thuật số*. Routledge.
- Knight, J., & de Wit, H. (2018). *Quốc tế hóa giáo dục đại học: Quá khứ và tương lai*. *Giáo dục Đại học Quốc tế*, (95), 2–4.
- OECD. (2022). *Triển vọng giáo dục kỹ thuật số năm 2022: Định hình lại hợp tác quốc tế*. Nhà xuất bản OECD.
- Pokrovskaya, EM, & Raitina, MY (2022). *Di động học thuật như một cơ chế tổ chức của tương tác liên văn hóa*. Bản thảo arXiv :2210.00057 .
- Thủ tướng Chính phủ. (2021). *Quyết định 131/QĐ -TTg : Phê duyệt Dự án tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2021-2025*. Chính phủ Việt Nam.
- Thủ tướng Chính phủ. (2024). *Quyết định 1705/QĐ -TTg : Chiến lược phát triển giáo dục đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045*. Chính phủ Việt Nam.
- Trường Quốc tế, Đại học Quốc gia Hà Nội (2024), *Báo cáo tóm tắt công tác năm học 2023-2024 và định hướng, nhiệm vụ năm học 2024-2025*.